

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Sơn

2. Ông Hồ Tấn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 491/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà HKD, sinh năm 1991; thường trú: A1, xã PM, huyện CL, tỉnh ĐT; tạm trú: 71/1 khu phố BG, phường TG, thành phố TA, tỉnh BD, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông MVH, sinh năm 1992; thường trú: A1, xã PM, huyện CL, tỉnh ĐT; tạm trú: Lô 21 – 23 đường NA12, KDC VS, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022, bản tự khai ngày 01/6/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà HKD trình bày:

Bà HKD và ông MVH tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2012 ngày 24/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Nay bà HKM xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với ông MVH.

Về con chung: Có 01 con chung MHNN, sinh ngày 22/9/2010. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung MHNN, sinh ngày 22/9/2010, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
và đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại văn bản ngày 27/7/2022 bị đơn ông MVH trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà D về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà D yêu cầu được ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung MHNN, sinh ngày 22/9/2010. Ông H đồng ý để bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung MHNN, sinh ngày 22/9/2010, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
và đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông MVH có cư trú tại địa chỉ lô 21-23, đường NA12, khu dân cư VS, phường H, thành phố TA, tỉnh BD nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà D, bị đơn ông H đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà HKD và ông MVH tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2012 ngày 24/02/2012, do đó quan hệ hôn nhân của bà D và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Bà D yêu cầu được ly hôn với ông H với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông H đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của bà D. Tuy nhiên, cả bà D và ông H đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của bà D và ông H.

Về con chung: Có 01 con chung MHNN, sinh ngày 22/9/2010. Cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ, ông H đồng ý để bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung MHNN, sinh ngày 22/9/2010, do đó hội đồng xét xử sẽ giao cháu N cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà HKD về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông MVH.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà HKD được ly hôn với ông MVH.

- Về con chung: Giao cháu MHNN, sinh ngày 22/9/2010 cho bà HKD trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông MVH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà HKD phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002550 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm